QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 193/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Thành lập, điều hành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh

nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức đó sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng.

2. Khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức, viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

Điều 4. Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự khi gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh nhưng không đi đến kết quả như dự kiến thì không phải hoàn trả lại kinh phí đã sử dụng.

Điều 5. Cấp kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo cơ chế quỹ

1. Ưu tiên cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế quỹ thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Việc lập dự toán và phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo cơ chế quỹ được thực hiện như sau:

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ mở mới;

b) Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ mở mới hằng năm được xây dựng trên cơ sở dự kiến số lượng nhiệm vụ mở mới của năm kế hoạch, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đã được mở mới trong năm trước năm lập kế hoạch và ước kinh phí tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

c) Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp hằng năm để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước.

2. Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ này;

b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ này.

3. Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ phải được định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

4. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bảo đảm đúng tiến độ, chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân.

5. Cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

Điều 6. Khoán chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện khoán chi, trừ kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thuê dịch vụ thuê ngoài và đoàn đi công tác nước ngoài.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ với chỉ tiêu chất lượng chủ yếu cần đạt được.

3. Trên cơ sở dự toán kinh phí tại thuyết minh nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ xác định mức kinh phí khoán đối với các nội dung chi được khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán; được điều chỉnh các nội dung chi; được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

Điều 7. Quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là vật không tiêu hao theo quy định tại khoản 2 Điều 112 của Bộ luật Dân sự được xử lý như sau:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là cơ quan nhà nước; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị): Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi hoàn thành mục đích sử dụng không cần chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ được xác định là tài sản được Nhà nước giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng mà không cần thực hiện thủ tục giao quyền sử dụng và bàn giao tài sản. Việc hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này: Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi hoàn thành mục đích sử dụng không chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ được xác định là tài sản được Nhà nước giao cho tổ chức chủ trì quyền sở hữu mà không cần thực hiện thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và bàn giao tài sản. Việc hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là cơ quan, tổ chức, đơn vị tại điểm a khoản 1 Điều này có quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ của người khác mà không cần thực hiện thủ tục về việc giao quyền quản lý, sử dụng. Tổ chức chủ trì quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có quyền sở hữu quyền tài sản đối với các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ của người khác mà không cần thực hiện thủ tục về việc giao quyền sở hữu.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trừ trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức có yếu tố nước ngoài hoặc đặt trụ sở chính ở nước ngoài.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều này được đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Khi được cấp văn bằng bảo hộ, cơ quan, tổ chức, đơn vị này được đại diện thực hiện quyền của chủ sở hữu. Việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

4. Tổ chức sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển theo quy định tại khoản 2 Điều này, có quyền công bố, đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước thu hồi kết quả nghiên cứu, phát triển của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

6. Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức khác có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thu hồi và giao cho tổ chức đó để tiếp tục phát triển, ứng dụng.

Điều 8. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Đối với tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

a) Theo dõi riêng tài sản, không hạch toán chung vào tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản;

b) Tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm sử dụng tài sản không cần định giá trong việc cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới. Khi thực hiện nội dung quy định tại điểm này, không cần lập đề án, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp để phòng, chống thất thoát, lãng phí trong quá trình sử dụng tài sản theo quy định này;

c) Bán, chuyển nhượng tài sản; góp vốn bằng tài sản để liên doanh, liên kết có hình thành pháp nhân mới thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức chủ trì là tổ chức tại điểm b khoản 1 Điều 7, có quyền sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết này, tổ chức chủ trì được sử dụng tài sản phù hợp với quy định của pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức đó.

3. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức khai thác tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tiếp tục đầu tư để thương mại hóa bảo đảm hiệu quả.

4. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng tài sản bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Điều 9. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Các khoản tài trợ của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Điều 10. Sử dụng ngân sách trung ương triển khai các nền tảng số dùng chung và chỉ định thầu các dự án chuyển đổi số

1. Ngân sách trung ương được sử dụng để đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để các cơ quan, tổ chức của trung ương, địa phương sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

Quy trình, thủ tục bố trí kinh phí đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để sử dụng chung cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các gói thầu có thời gian lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn 2025 - 2026 thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng các nội dung sau đây:

a) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ, ngành, địa phương;

b) Các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh;

d) Trung tâm giám sát, điều hành thông minh;

đ) Cổng dịch vụ công quốc gia;

e) Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

g) Dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số khác theo yêu cầu tại nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan đối với các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số áp dụng chính sách quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G

Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G toàn quốc được quy định như sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G phải đạt tối thiểu 20.000 trạm phát sóng 5G được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Tổng số tiền hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện trong năm 2024.

3. Mức hỗ trợ một trạm phát sóng 5G là 15% chi phí thiết bị bình quân cho một trạm phát sóng 5G được mua trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ.

Điều 12. Chính sách phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển do doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư

1. Các dự án đầu tư các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển có trạm cập bờ tại Việt Nam được áp dụng trình tự, thủ tục quy định cho dự án đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư và phải đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Cho phép cấp phê duyệt chủ trương đầu tư quyết định việc sử dụng hình thức chỉ định thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này triển khai trong giai đoạn 2025 - 2030 để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp.

Trong trường hợp không sử dụng hình thức chỉ định thầu, việc lựa chọn nhà thầu để triển khai dự án đầu tư được thực hiện theo thông lệ quốc tế được các bên thống nhất hoặc ký kết giữa doanh nghiệp viễn thông Việt Nam và tổ chức nước ngoài là thành viên góp vốn đầu tư xây dựng tuyến cáp quang biển quốc tế.

Điều 13. Thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp

1. Thí điểm có kiểm soát triển khai dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp được quy định như sau:

a) Thí điểm có kiểm soát đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm

thấp tại Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Thí điểm cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp thay thế cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho người sử dụng thiết bị đầu cuối;

c) Việc thí điểm quy định tại điểm a và điểm b khoản này do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng không quá 05 năm. Việc thí điểm phải kết thúc trước ngày 01 tháng 01 năm 2031.

2. Căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thí điểm theo từng đề án, bao gồm: loại hình dịch vụ viễn thông, giới hạn phạm vi triển khai, giới hạn số lượng thuê bao tối đa, tần số sử dụng, điều kiện chấm dứt thí điểm, các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yêu cầu, điều kiện cần thiết khác nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và pháp luật về viễn thông; hướng dẫn, thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Mức thu lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được cấp phép thí điểm áp dụng theo quy định hiện hành về mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện và mức thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện. Phí sử dụng tần số vô tuyến điện tính theo thời gian sử dụng tần số vô tuyến điện và theo thực tế số lượng thiết bị đầu cuối sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp báo cáo.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hoạt động triển khai thí điểm bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 14. Hỗ trợ tài chính xây dựng nhà máy đầu tiên để phục vụ nghiên cứu, đào tạo và sản xuất chip bán dẫn

1. Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng dự án nhà máy đầu tiên được lựa chọn để chế tạo chip quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư dự án trực tiếp từ ngân sách trung ương trong trường hợp nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030. Tổng mức hỗ trợ không vượt quá 10.000 tỷ đồng;

b) Trong thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án, hằng năm được trích lập cao hơn 10% nhưng tối đa không quá 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để bổ sung cho dự án. Tổng số tiền trích lập không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án.

2. Được giao đất bằng hình thức giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp đó. Các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ chịu trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Việc quản lý, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này đã có quyết định phê duyệt nhiệm vụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này có quyết định phê duyệt nhiệm vụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì tiếp tục thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Gói thầu thuộc nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết này đã có kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực vẫn chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết này./.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn